TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2018/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 11 - 2018
V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Thanh Khiết**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Tấn Liêm**

Ông **Nguyễn Văn Hành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Văn Mil** - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2018/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thanh H** – sinh năm 1981 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh **Lê Văn C** – sinh năm 1982 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Chị **Lê Bé S** – sinh năm 1980 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.
2. Chị **Nguyễn Thị Hạnh T** – sinh năm 1984 (Có mặt)
Cư trú tại: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Triệu Thanh H và Anh Lê Văn C kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Sau khi cưới nhau về vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cải, từ đó vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Nay Chị Triệu Thanh H yêu cầu được ly hôn với Anh Lê Văn C, Anh C thống nhất ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh C và chị H có với nhau 01 con chung tên Lê Triệu V, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008 hiện nay con đang sống với gia đình. Khi ly hôn anh C và chị H yêu cầu con theo ai thì người đó nuôi và người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H và anh C thống nhất vợ chồng có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị H yêu cầu chia đôi phần tài sản này.

Về nợ chung và nợ riêng: Chị H xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nợ của chị Lê Thị Bé S ở ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau 150.000.000 đồng, nợ chị Nguyễn Thị Hạnh T ở ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, số tiền 50.000.000 đồng, khi ly hôn chị H yêu cầu chia đôi số nợ trên.

Chị Lê Bé S và chị Nguyễn Thị Hạnh T xác định vợ chồng anh C và chị H có nợ số tiền như đã trình bày. Tuy nhiên chị S và chị T xác định các bên đã tự thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Triệu Thanh H và anh Lê Văn C là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Lê Văn C có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

Về hôn nhân: Anh C và chị H kết hôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì Chị Triệu Thanh H có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của chị H đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên hòa giải ngày 02 tháng 11 năm 2018 chị H và anh C thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy chị H thống nhất thuận tình ly hôn với anh Lê Văn C là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thanh H và anh Lê Văn C.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có với nhau được 01 con chung tên Lê Triệu V, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008. Hiện con đang sống với gia đình. Sau khi ly hôn anh C và chị H yêu cầu con theo ai người đó nuôi, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Triệu Vy đã trên 07 tuổi, như vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 81

của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện C thì cháu V trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ, đây là ý chí tự nguyện của cháu V là con anh C và chị H nên Tòa án chấp nhận. Giao cháu Lê Triệu V, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008 cho chị Triệu Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó chị H xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Hội đồng xét thấy việc rút yêu cầu của chị H là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị Triệu Thanh H và anh Lê Văn C.

Nếu sau này giữa Anh C và chị H có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng thì được quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Triệu Thanh H và anh Lê Văn C mỗi người phải nộp 75.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 28; 35; 39; 147, 228, 244, 246, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các điều 9, 51, 53, 54, 55, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của Chị Triệu Thanh H và anh Lê Văn C.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Triệu V, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2008 cho chị Triệu Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ yêu cầu của chị Triệu Thanh H về việc chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Nếu sau này anh C và chị H có phát sinh tranh chấp về nợ chung và nợ riêng thì Anh C và chị H đều có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Triệu Thanh H và anh Lê Văn C mỗi người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 75.000. Chị H có dự nộp tạm ứng án phí là 5.300.000 (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004833 ngày 15/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ. Chị H được nhận lại 5.225.000 đồng tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau.

Anh Lê Văn C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Khiết